TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2019
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Liễu

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim T, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 682 đường M, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Phù Văn B, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 682 đường M, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày:* Tôi và anh B quen nhau do mai mối, tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh B không quan tâm chăm sóc gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Phù Văn D, sinh ngày 01/12/2000; Phù Kim H, sinh ngày 19/4/2002; Phù Văn H1, sinh ngày 20/8/2004. Cháu Phù Văn D đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phù Kim H và Phù Văn H1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có.

* Bị đơn anh Phù Văn B đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh B không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phù Văn B vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phù Văn B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Kim T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phù Văn B. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim T và anh Phù Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không giá trị pháp lý"*.

Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Kim T và anh Phù Văn B, là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống có 03 người con chung tên Phù Văn D, sinh ngày 01/12/2000; Phù Kim H, sinh ngày 19/4/2002; Phù Văn H1, sinh ngày 20/8/2004. Cháu Phù Văn D đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phù Kim H và Phù Văn H1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phù Văn D đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không xem xét, giải quyết. Từ khi chị T, anh B sống ly thân đến nay thì cháu Kim H và cháu Văn H1 được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 21/8/2019 của cháu Kim H và cháu Văn H1 có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là chị T khi cha mẹ ly hôn nhau. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Kim H và cháu Văn H1 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị T xác định có

đủ khả năng kinh tế để nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Do anh B không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh B có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc chị Trần Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005927 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Kim T với anh Phù Văn B.

2/ Về con chung: Cháu Phù Văn D đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên không xem xét, giải quyết. Giao 02 người con chung tên Phù Kim H, sinh ngày 19/4/2002; Phù Văn H1, sinh ngày 20/8/2004 cho chị Trần Kim T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phù Văn B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Kim T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Trần Kim T xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Trần Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005927 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên chị T không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.